

BẢO LÃNH CHO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

*** *Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:***

Giá trị đảm bảo hợp đồng: 10 % giá hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

– Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh tạm ứng khi Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng cho hợp đồng này sai mục đích;

– Nếu Bên B là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh theo quy định tại Khoản 22, Điều 140 của Nghị định 214.

– Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

– Trường hợp hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp

đồng.

– Bản sao của bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực

*** Bảo lãnh cho phần khối lượng dây cáp điện thu hồi:**

Nhà thầu phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho phần dây cáp thu hồi có giá trị bằng với giá trị thu gom cáp thu hồi do EVNSPC giao theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến sau 30 ngày kể từ ngày thực hiện xong công việc tiếp nhận hàng thu hồi và Bên A nhận được khối lượng dây cáp điện mới tương ứng với giá trị dây thu hồi. Đối với trường hợp có phát sinh tăng/giảm khối lượng dây cáp điện thu hồi, giá trị bảo lãnh cho phần khối lượng phát sinh dây cáp điện thu hồi sẽ tăng/giảm tương ứng theo giá trị phụ lục hợp đồng phát sinh.

*** Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng và hoàn trả bảo lãnh cáp điện thu hồi:**

(i) Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng, hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành từ Bên B.

(ii) Thời hạn hoàn trả bảo lãnh phần khối lượng dây cáp điện thu hồi: Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày Bên B hoàn tất việc tiếp nhận dây cáp điện thu hồi và Bên A nhận được đầy đủ khối lượng dây cáp điện mới theo hợp đồng.

Bản sao của bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh cho phần khối lượng dây cáp điện thu hồi phải được sao y bởi Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

1. Nghĩa vụ bàn giao dây cáp thu hồi, tiếp nhận dây cáp mới, thanh toán Hợp đồng và thông tin bên bán xuất hoá đơn:

- Đối với cáp thu hồi: Công ty Điện lực trực thuộc Bên A sẽ xuất hoá đơn GTGT cho Bên B (nhà thầu).

- Đối với cáp mới: Bên B (nhà thầu) sẽ xuất hoá đơn GTGT cho Công ty Điện lực trực thuộc Bên A.

- Công ty Điện lực trực thuộc Bên A chịu trách nhiệm: bàn giao cáp thu hồi cho Bên B, tiếp nhận dây cáp mới được mua sắm/trao đổi theo hợp đồng; thanh toán cho nhà thầu theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng.

2. Cụ thể thông tin Bên B xuất hoá đơn cho Công ty Điện lực trực thuộc Bên A (đối với phần cáp mới được mua sắm/trao đổi theo hợp đồng) như sau:

- a. Tên đơn vị: Công ty Điện lực
- Địa chỉ:
- MST:
- Thông tin người liên hệ:
- Điện thoại:

3. Phương thức thanh toán:

Có thể chọn thanh toán theo hai phương thức như sau:

3.1. Thanh toán theo phương thức bù trừ công nợ giá trị chênh lệch giữa phần giá trị dây cáp điện mới và phần giá trị dây cáp điện thu hồi theo từng công ty Điện lực:

Hồ sơ thực hiện thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Điện lực và nhà thầu gồm có:

- (i) Văn bản yêu cầu thanh toán giữa Công ty Điện lực và nhà thầu;
- (ii) Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty Điện lực và nhà thầu;
- (iii) Biên bản bù trừ công nợ giữa Công ty Điện lực và nhà thầu;
- (iv) Hóa đơn xuất cấp thu hồi của Công ty Điện lực và hóa đơn xuất cấp mới của nhà thầu;
- (v) Biên bản bàn giao dây cáp thu hồi giữa Công ty Điện lực và nhà thầu đối với dây cáp thu hồi;
- (v) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên A và Bên B tại địa điểm giao hàng phần dây cáp điện mới;
- (vi) Bảng kê đóng gói phần dây cáp điện mới ;
- (vii) Chứng nhận bảo hiểm phần dây cáp điện mới;
- (viii) Bản chính hoặc Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O (đối với hàng ngoại nhập) do Phòng Công nghiệp hoặc Thương mại của nước xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị và tên nhà sản xuất;
- (viii) Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị phần dây cáp điện mới;
- (x) Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất phần dây cáp điện mới;

(xi) Kết quả kiểm tra chất lượng do Công ty Thí nghiệm điện miền Nam ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử phân dây cáp điện mới.

(xii) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên A và Bên B tại địa điểm giao hàng;

(xiii) Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị cáp điện mới theo hợp đồng.

3.2. Phương thức thanh toán theo giá trị dây cáp điện thu hồi và giá trị dây cáp điện mới:

3.2.1. Đối với dây cáp điện thu hồi

Thanh toán 100% giá trị dây cáp điện thu hồi trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi Bên B nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Công ty Điện lực;

(ii) Hợp đồng mua bán và Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính bao gồm hóa đơn xuất cáp thu hồi của Công ty Điện lực;

(iii) Biên bản bàn giao dây cáp thu hồi giữa Công ty Điện lực và nhà thầu

3.2.2. Phương thức thanh toán (đối với phân cáp mới)

– Thanh toán theo đơn đặt hàng của từng đợt.

– Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

– Các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên Bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính.

– Số lần thanh toán: theo số lần gửi đơn đặt hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Hồ sơ thanh toán theo đơn đặt hàng của từng đợt cụ thể:

(a) 30% giá trị của hợp đồng (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được ứng trước trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;

(ii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(iii) Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên B cho đơn đặt hàng của từng đợt. Bảo lãnh tạm ứng phải được sao y bởi Ngân hàng phát hành hoặc sao y bản chính.

(iv) Bảo lãnh cho phần khối lượng dây cáp điện thu hồi.

(b) 60% của trị giá hàng hóa nhận được theo đơn đặt hàng và 100% thuế GTGT của đơn đặt hàng hóa đó theo hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;

(ii) Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính do Bên B lập khi giao hàng (bao gồm hóa đơn xuất cấp thu hồi và hóa đơn xuất cấp mới);

(iii) Bảng kê đóng gói;

(iii) Chứng nhận bảo hiểm;

(iv) Bản chính hoặc Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O (đối với hàng ngoại nhập) do Phòng Công nghiệp hoặc Thương mại của nước xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị và tên nhà sản xuất;

(v) Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị;

(vi) Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất;

(vii) Kết quả kiểm tra chất lượng do Công ty Thí nghiệm điện miền Nam ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử.

(viii) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên A và Bên B tại địa điểm giao hàng;

(c) 10% của trị giá hàng hóa còn lại của đơn đặt hàng theo từng đợt (không có thuế GTGT) sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được chứng từ sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;

(ii) Bản gốc bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị theo đơn đặt hàng của từng đợt;

(iii) Văn bản chấp nhận do Bên A phát hành theo đơn đặt hàng của từng đợt.